CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2024

CTCP Rạng Đông Holding

Ngày 28/06/2024	5,150 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-2.8%	-	-

DT thuần *Q2/24*
247 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▼259| -51.3%
YoY: ▼529| -68.2%

LN thuần *Q2/24*
-64.8 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▼66.1| -5124%
YoY: ▼81.0| -500%

LN sau thuế *Q2/24*
-65.7 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▼66.8| -6015%
YoY: ▼76.1| -731%

Tỷ suất lãi EBIT *Q2/24*
-16.4%
YoY: +/-▼ 21.9%

ROE (TTM) *Q2/24*
-9.7%
YoY: +/-▼ 14.0%

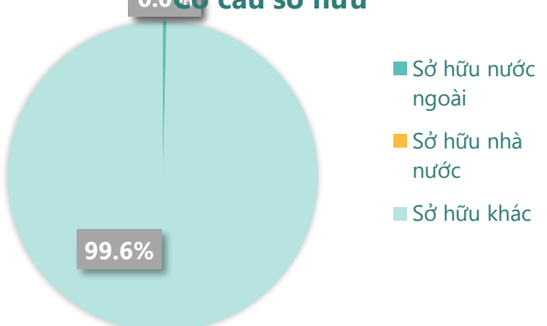
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	4,500 - 12,050
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	253
Số lượng CPLH (CP)	49,069,803
KLGD BQ 20 phiên (CP)	840,550
Sở hữu nước ngoài	0.4%
Beta	0.97
EPS	-938
P/E	-5.5

DT thuần *6T 2024*
753 *tỷ VNĐ*
YoY: ▼604| -44.5%

LN thuần *6T 2024*
-63.5 *tỷ VNĐ*
YoY: ▼82.0| -444%

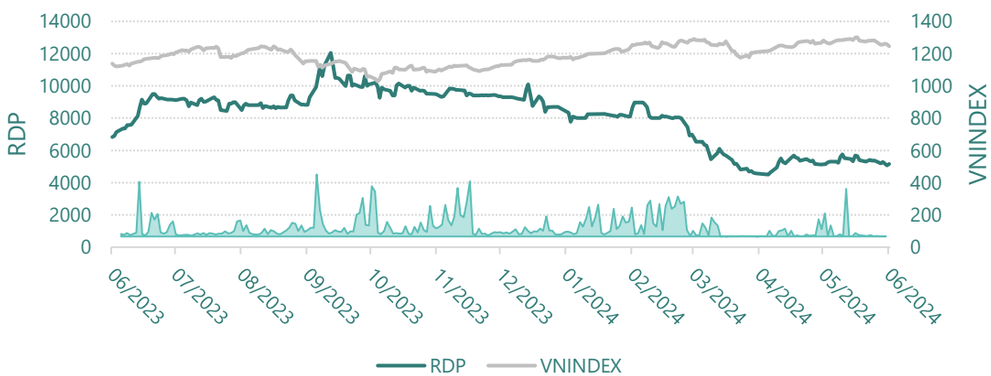
LN sau thuế *6T 2024*
-64.6 *tỷ VNĐ*
YoY: ▼75.6| -686%

Cơ cấu sở hữu

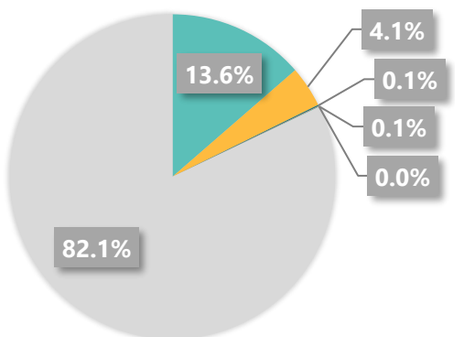


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

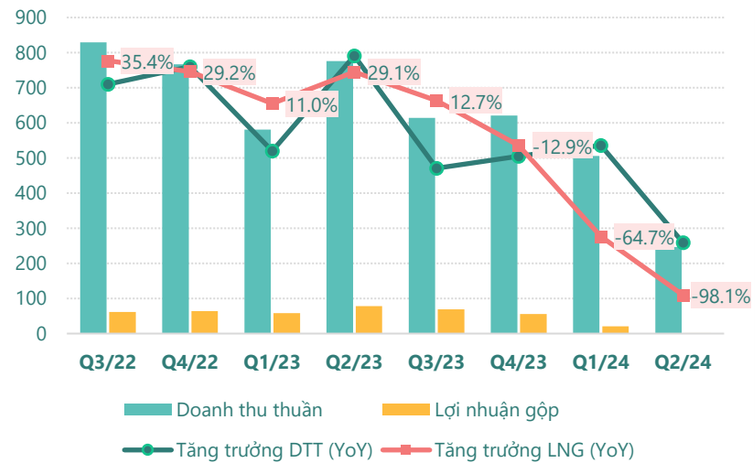


Hồ Đức Lam (Chủ tịch HĐQT)
Hồ Phi Hải
Hồ Đức Dũng (Thành viên HĐQT)
Lữ Thanh Tùng
Hồ Thị Kim Thoa
Khác

(Nguồn: fireant.vn)

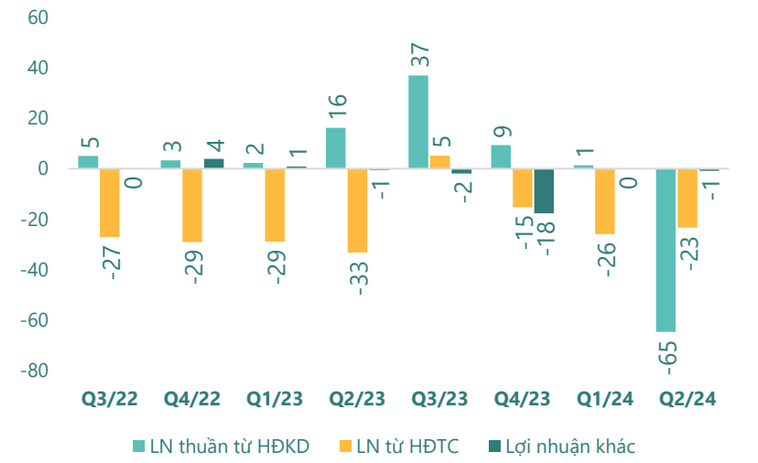
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



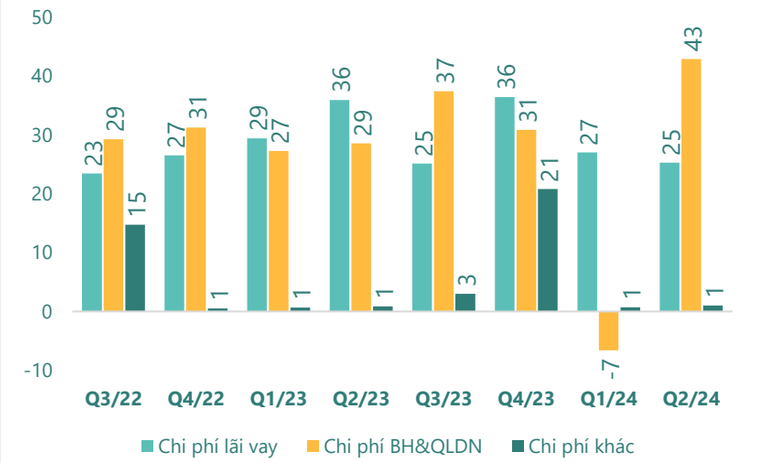
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



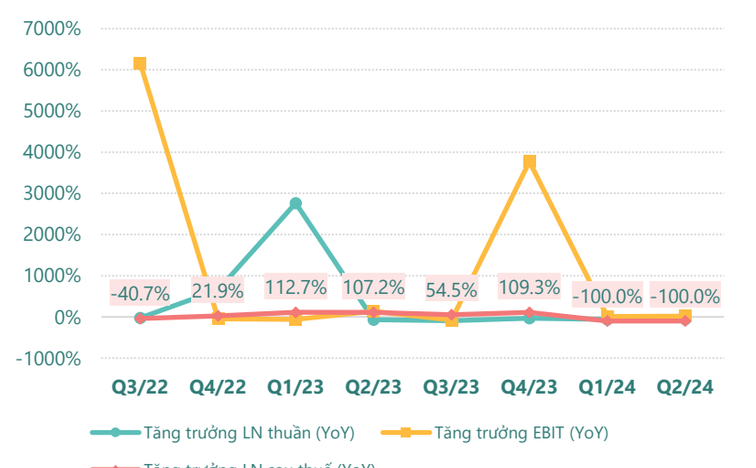
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



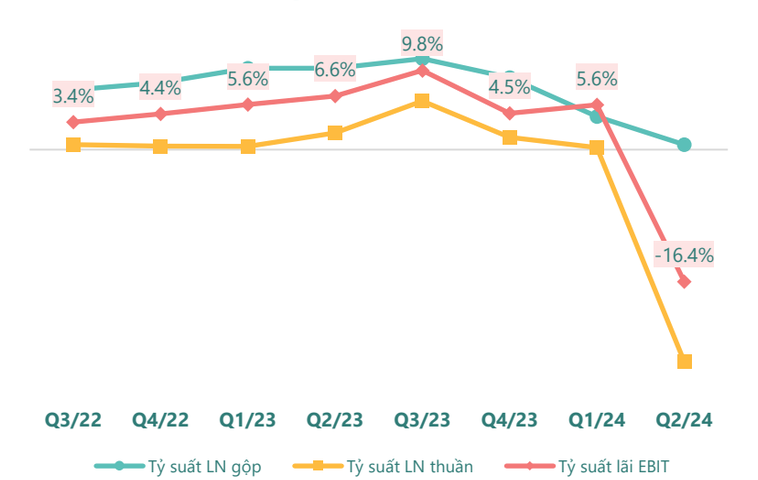
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



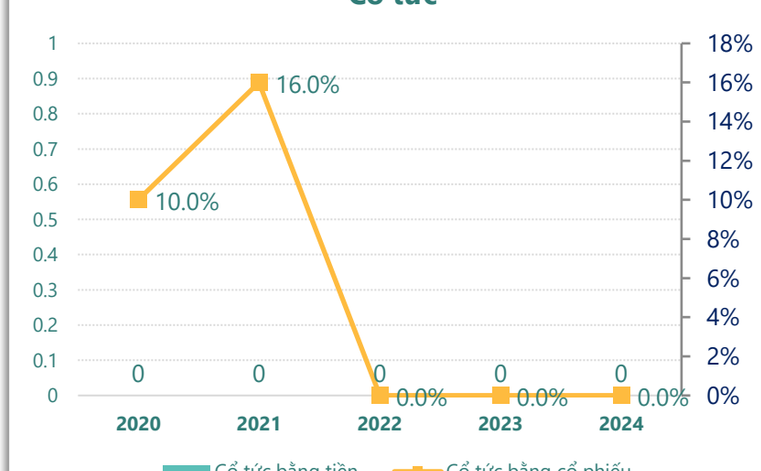
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

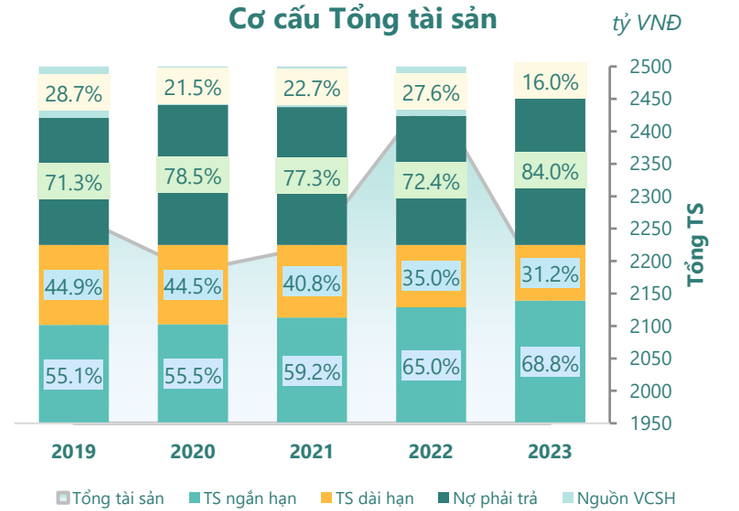
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

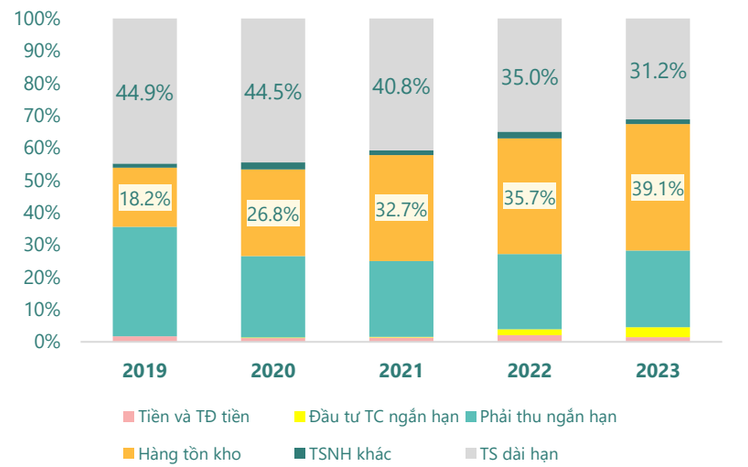
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



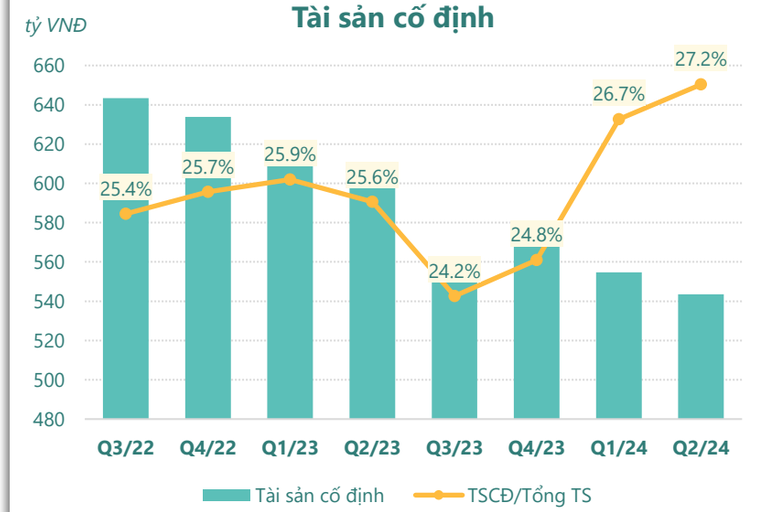
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



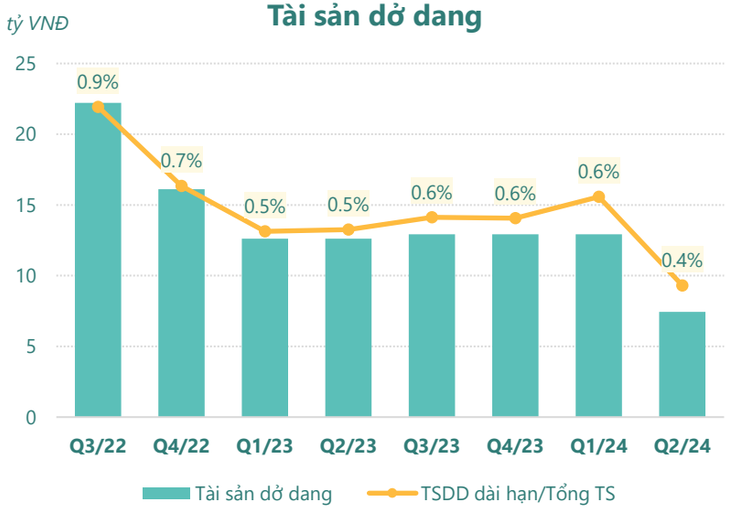
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



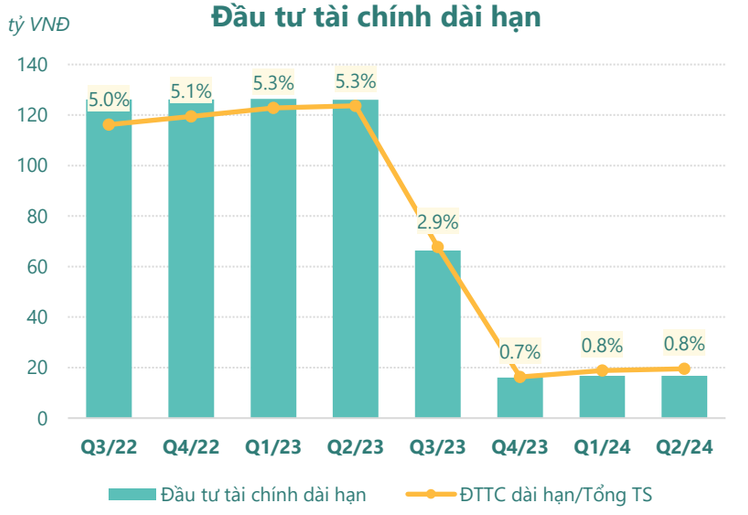
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



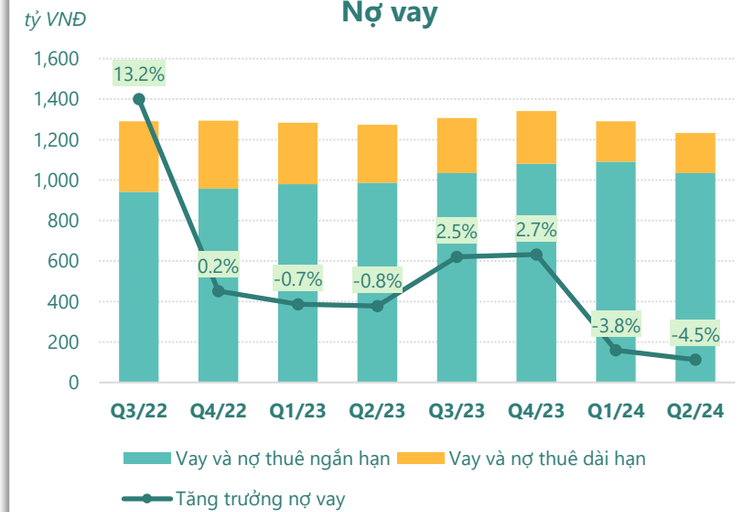
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

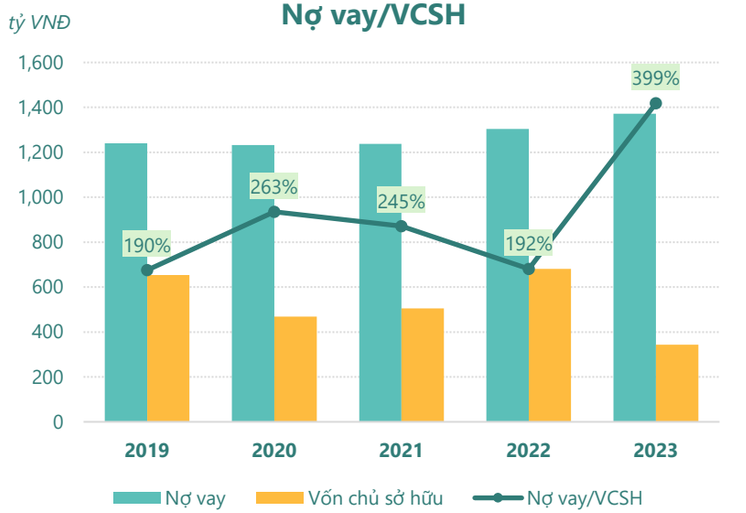
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



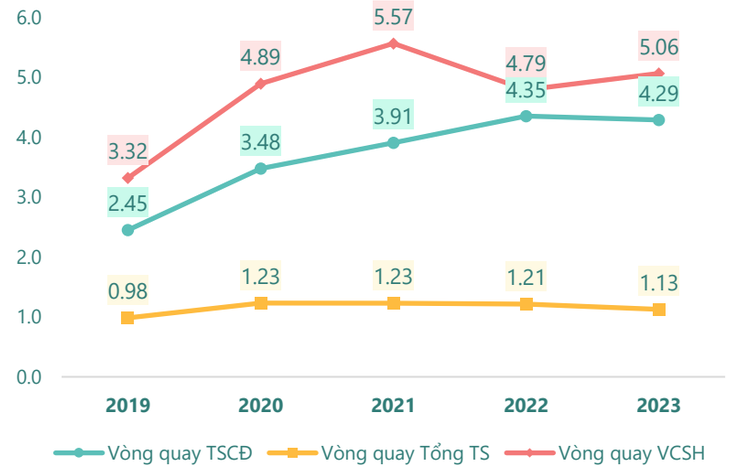
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



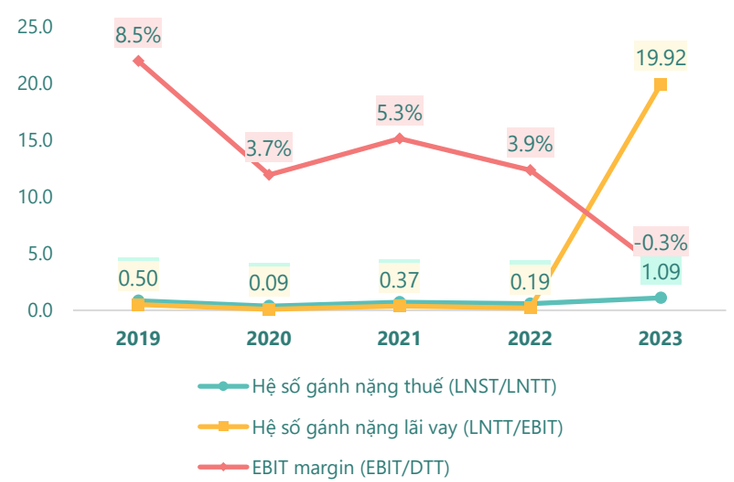
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



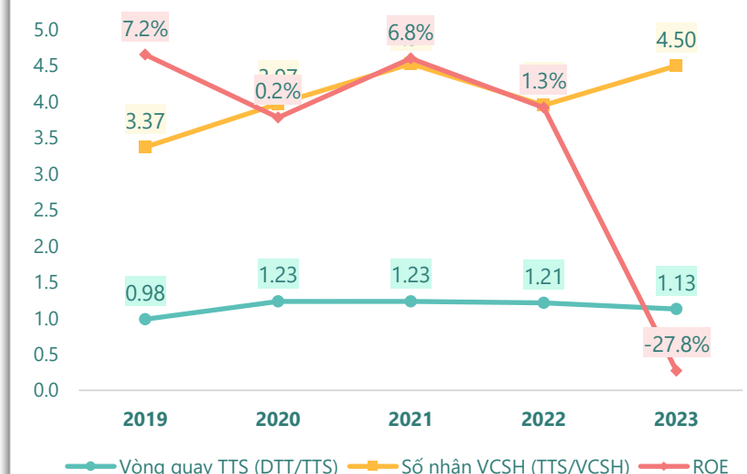
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



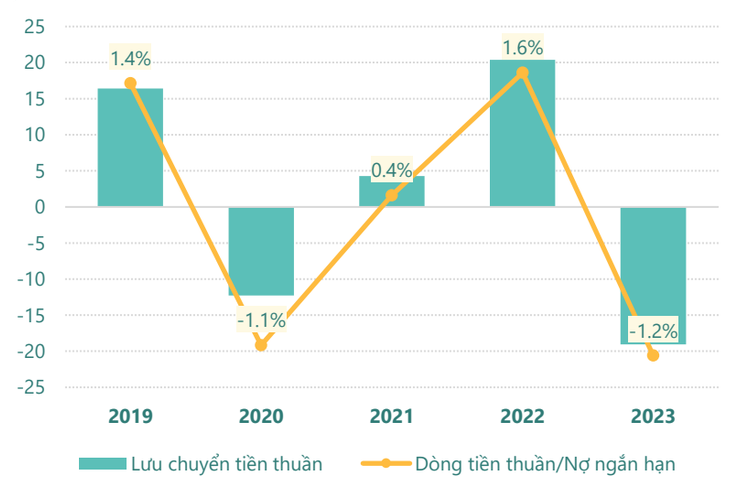
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**247**	**776**	**-68.2%**	**753**	**1,357**	**-44.5%**
Giá vốn hàng bán	245	698	-64.9%	731	1,220	-40.1%
Lợi nhuận gộp	1.53	78.4	-98.1%	22.2	137	-83.8%
Doanh thu HĐTC	2.53	5.50	-54.0%	3.85	6.95	-44.7%
Chi phí TC	25.9	38.8	-33.2%	53.2	69.3	-23.1%
Chi phí lãi vay	25.3	36.0	-29.6%	52.4	65.4	-19.9%
LN trong công ty LKLD	**0**	**-0.34**	**100%**	**0**	**-0.34**	**100%**
Chi phí bán hàng	9.99	9.88	1.1%	15.2	16.9	-9.8%
Chi phí QLDN	**32.9**	**18.7**	**76.2%**	**21.1**	**39.0**	**-45.9%**
LN thuần từ HĐKD	-64.8	16.2	-500%	-63.5	18.5	-444%
Lợi nhuận khác	**-0.85**	**-0.55**	**-55.1%**	**-1.04**	**0.27**	**-479%**
LN trước thuế	-65.7	15.6	-521%	-64.6	18.7	-444%
Lợi nhuận sau thuế	**-65.7**	**10.4**	**-731%**	**-64.6**	**11.0**	**-686%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-61.8**	**6.00**	**-1130%**	**-60.7**	**6.35**	**-1055%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-13.2	15.7	-29.0	-23.1	32.7	69.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	15.8	-6.57	-15.2	25.3	1.52
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-20.5	-20.0	42.0	35.1	-81.9	-57.5
Tiền đầu kỳ	50.8	17.0	28.4	34.9	31.7	7.76
Lưu chuyển tiền thuần	**-33.7**	**11.4**	**6.47**	**-3.19**	**-24.0**	**13.4**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	17.0	28.4	34.9	31.7	7.76	21.2

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,996**	**2,144**	**-6.9%**
Tài sản ngắn hạn	1,350	1,476	-8.5%
Tiền và tương đương tiền	21.2	31.7	-33.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	41.0	65.3	-37.3%
Phải thu ngắn hạn	478	508	-5.9%
Hàng tồn kho	781	839	-6.9%
Tài sản ngắn hạn khác	28.6	31.3	-8.5%
Tài sản dài hạn	**646**	**669**	**-3.4%**
Phải thu dài hạn	7.94	6.55	21.3%
Tài sản cố định	543	575	-5.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	7.43	6.16	20.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	16.7	16.7	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**70.2**	**64.5**	**8.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,717	1,800	-4.7%
Nợ ngắn hạn	**1,516**	**1,597**	**-5.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,034	1,172	-11.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	291	292	-0.4%
Nợ dài hạn	201	203	-1.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	198	200	-1.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**279**	**344**	**-18.8%**
Vốn chủ sở hữu	**279**	**344**	**-18.8%**
Vốn điều lệ	491	491	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)